

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2021/HS-ST
Ngày 12 - 05 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thoả; bà Đặng Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký Tòa án nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Giàng Mí V, sinh ngày 14/6/2000, tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; D tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Mí X, sinh năm 1979 và bà Giàng Thị D, sinh năm 1979; có vợ: Vàng Thị P, sinh năm 2000 và con: có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 31/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Nguyễn Văn M, sinh ngày 15/9/2000, tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 và bà Vàng Thị M, sinh năm 1978; bố dượng ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1960; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 31/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Nguyễn Văn D, sinh ngày 07/10/1994, tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 và bà Vàng Thị T, sinh năm 1975; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 31/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Anh Giàng Mí L, sinh năm 2003; nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn M, huyện M tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 30/12/2020 tại phòng trọ của Nguyễn Văn D (*phòng trọ thứ hai theo hướng từ ngoài vào trong*) dãy nhà trọ của bà Vàng Thị T (*là mẹ đẻ của D*) tại Thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang thì có Nguyễn Văn D trú tại Thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, Nguyễn Văn M trú tại xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1 cùng trú tại Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, Giàng Mí V với Giàng Mí L, cùng trú tại thị trấn M, huyện M tỉnh Hà Giang, tất cả gồm 06 người đang ngồi chơi tại phòng trọ của D thì V nói “*V có 200.000^d ai có tiền góp thêm mua ma túy về sử dụng*”, D nói “*ngủ sớm đi mai còn đi ăn cưới*” còn 4 người là M, H, H1 và L không ai nói gì. Sau đó V tiếp tục rủ mọi người góp tiền mua ma túy về sử dụng rồi V lấy từ trong người ra 01 tờ tiền mệnh giá 200.000^d để trên giường ngủ, M cũng đồng ý góp tiền nhưng do không có tiền trên người nên M hỏi vay tiền H1, nhưng H1 không đồng ý cho vay, sau đó M vay được của D 100.000^d để góp mua ma túy, còn H1, H và L không nói gì. Sau khi có tiền mua ma túy nhưng M với V không biết chỗ để mua ma túy nên V bảo D cầm tiền đi mua ma túy về để cùng sử dụng, lúc này khoảng 23 giờ 35 phút cùng ngày, D sử dụng điện thoại của D nhãn hiệu VIVO loại màn hình cảm ứng màu đen có lắp sim điện thoại số 0346134541 nhắn tin cho 01 người đàn ông tên “N” (*D biết từ trước nhưng không rõ họ tên đệm và địa chỉ cụ thể*) có số điện thoại 0945737707 để hỏi mua ma túy với số tiền là 300.000^d cùng 01 ông thủy tinh trong suốt (coong) và hai đoạn ống hút (dụng cụ để sử dụng ma túy), người đàn ông tên N đồng ý và hẹn

đến khu vực công chợ thị trấn Y phía đường bờ kè gần phòng trọ của D để giao ma túy. Được khoảng 10 phút sau D tiếp tục gọi điện thoại cho người đàn ông tên N thì người đàn ông tên N bảo đã để ma túy và coong ở trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long để ở đường bờ đê gần chợ, lấy xong thì để tiền vào vỏ bao thuốc để lại vị trí cũ. Sau đó D một mình đi bộ ra công chợ thị trấn Y cách phòng trọ 36 mét thì thấy 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng ở trên nắp cống thoát nước trước công chợ, D nhặt bao thuốc lên và lấy ra từ bên trong ra 01 túi ni lông màu trắng bên trong chứa các tinh thể màu trắng là ma túy và 01 ống thủy tinh trong suốt dài 12,5cm một đầu hình bầu dục bị đục thủng lỗ rồi lấy 300.000^d cho vào bên trong vỏ bao thuốc lá rồi để lại vị trí cũ và mang ma túy đi bộ về phòng trọ. Đến 00 giờ 30 phút ngày 31/12/2020 tại phòng trọ ở Thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D đang thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện Y bắt quả tang thu giữ được 0,17 gam ma túy cùng toàn bộ tang vật, đã tiến hành niêm phong để điều tra theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành cân tịnh xác định được khối lượng chất tinh thể màu trắng thu giữ được tại hiện trường là 0,17gam (*không phải mười bảy gam*) ma túy gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 31/KL-PC09 ngày 05/01/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

“ - Mẫu vật cần giám định ký hiệu A1, A2 là ma túy, loại *Methamphetamine* có khối lượng cụ thể như sau:

- + Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng 0,15g
- + Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng 0,02g...”

Ngày 25/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành kiểm tra nội dung cuộc gọi và tin nhắn lưu trữ trong điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu đen tạm giữ của Nguyễn Văn D sử dụng trao đổi mua ma túy. Kết quả trong điện thoại có phát sinh cuộc gọi và tin nhắn trao đổi mua ma túy với người đàn ông tên N có số thuê bao 0945737707 vào ngày 30/12/2020.

Ngày 23/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã có Yêu cầu số 17/YC yêu cầu trung tâm kinh doanh VNPT tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin chủ thuê bao di động và tình trạng hoạt động của số điện thoại 0945737707. Tại công văn trả lời số 263/TTKD HGg-ĐHNV ngày 26/3/2021 của Trung tâm kinh doanh VNPT tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin thuê bao di động như sau: Tên chủ thuê bao là Phạm Thanh Th, sinh ngày 21/9/1984, địa chỉ xã H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, số CMND 070672801, thuê bao có tình trạng hoạt động bình thường. Ngày 28/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch, nơi cư trú của Phạm Thanh T tại Công an phường H, thành phố

T, tỉnh Tuyên Quang, kết quả Phạm Thanh T không cư trú trên địa bàn phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, không rõ cư trú ở đâu cùng với ai.

Ngày 23/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành cho bị cáo D xác định và thực nghiệm lại quá trình mua ma túy vào ngày 30/12/2020. Kết quả bị cáo D đã diễn tả lại toàn bộ hành vi mua ma túy của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người làm chứng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì bằng giấy màu trắng đã được niêm phong, mặt trước có ghi “*Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu lần lượt A1, A2*”, mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết của những người tham gia niêm phong; 03 mảnh giấy bạc; 03 bật lửa ga; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 nắp nhựa màu đỏ hình tròn, cao 01cm, đường kính 3cm, trên bề mặt nắp nhựa có 02 lỗ tròn, lỗ thứ nhất được luồn qua một ống nhựa hình trụ màu trắng dài 16,5cm, đường kính 0,5cm, lỗ thứ hai được luồn qua 01 ống thủy tinh, đầu ống hình bầu dục, thân ống hình trụ, trên ống thủy tinh có 01 lỗ tròn đường kính 0,7cm; 02 túi ni lông màu trắng; 01 gói giấy màu trắng chứa các hạt tạp chất màu đen; 01 sim điện thoại Viettel; 01 phong bì màu trắng bên trong có chứa 06 mảnh giấy, vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ; 05 ống nhựa màu trắng có kích thước tương tự nhau dài 19,5cm, trên thân ống có nếp gấp (dạng ống hút); 01 chai nhựa màu trắng dài 18cm, đường kính miệng chai 2,5cm và 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, sơn màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKSYM ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đối với các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích toàn diện, đầy đủ tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Giàng Mí V từ 15 đến 18

tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Nguyễn Văn D từ 12 đến 15 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Đề nghị miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M. Bị cáo V và bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo M phát biểu quan điểm bào chữa: Tôi đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo, trong đó có bị cáo Nguyễn Văn M về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo Miên mới qua tuổi trưởng thành, có học vấn thấp (5/12) nên nhận thức, hiểu biết pháp luật của bị cáo còn hạn chế, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là đủ thời gian để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm mà bị cáo đã thực hiện, đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Ý kiến đối đáp của Viện kiểm sát: Người bào chữa cho bị cáo M đồng tình với đề nghị của Viện kiểm sát, nên Kiểm sát viên không có ý kiến gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo rất ăn năn, hối hận và biết đã vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, nghe lời khai của các bị cáo, ý kiến của người bào chữa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tài liệu do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập, các bị cáo và những người tham gia tố tụng cung cấp, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập, các bị cáo và những người tham gia tố tụng cung cấp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 và Giàng Mí L, tuy nhiên những người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục tiến hành xét xử.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo, những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, ngoài ra còn phù hợp với Kết luận giám định số: 31/KL-PC09 ngày 05/01/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 00 giờ 30 phút ngày 31/12/2020, tại phòng ở của D thuộc dãy nhà trọ của bà Vàng Thị T (mẹ đẻ bị cáo D) ở Thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D đang thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì bị phát hiện bắt quả tang đang tàng trữ trái phép chất ma túy là 0,17 gam ma túy loại Methamphetamine.

[5] Các bị cáo góp tiền mua ma túy về phục vụ bản thân và cùng nhau sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ được 0,17 gam ma túy loại Methamphetamine, trong đó Giàng Mí V là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp góp số tiền 200.000^d để mua ma túy; Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D là đồng phạm đóng vai trò tích cực, Nguyễn Văn M góp số tiền 100.000^d, Nguyễn Văn D trực tiếp đi mua ma túy sau đó Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D cùng chuẩn bị công cụ để cùng sử dụng ma túy; như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự và ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội; các bị cáo đều là những người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và tác hại của tệ nạn ma túy đối với con người và đời sống xã hội; nhà nước đã nghiêm cấm, xử phạt nghiêm khắc và tuyên truyền về tác hại của ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để phục vụ bản thân, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, vì vậy cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã thực hiện, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng dăn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội, biết tuân thủ các quy định của Nhà nước và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo M là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo D có ông nội, bà nội, bà ngoại là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo M và bị cáo D theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không thỏa mãn các điều kiện để áp dụng cũng như thi hành hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

[13] Tịch thu tiêu huỷ đối với các vật chứng là vật cấm tàng trữ, công cụ, phương tiện phạm tội và không sử dụng được gồm: 01 phong bì bằng giấy màu trắng đã được niêm phong, mặt trước có ghi “*Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu lần lượt A1, A2*”, mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết của những người tham gia niêm

phong; 03 mảnh giấy bạc; 03 bật lửa ga; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 nắp nhựa màu đỏ hình tròn, cao 01cm, đường kính 3cm, trên bề mặt nắp nhựa có 02 lỗ tròn, lỗ thứ nhất được luồn qua một ống nhựa hình trụ màu trắng dài 16,5cm, đường kính 0,5cm, lỗ thứ hai được luồn qua 01 ống thủy tinh, đầu ống hình bầu dục, thân ống hình trụ, trên ống thủy tinh có 01 lỗ tròn đường kính 0,7cm; 02 túi ni lông màu trắng; 01 gói giấy màu trắng chứa các hạt tạp chất màu đen; 01 sim điện thoại Viettel; 01 phong bì màu trắng bên trong có chứa 06 mảnh giấy; vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ; 05 ống nhựa màu trắng có kích thước tương tự nhau dài 19,5cm, trên thân ống có nếp gấp (dạng ống hút); 01 chai nhựa màu trắng dài 18cm, đường kính miệng chai 2,5cm.

[14] Đối với 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, sơn màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong là phương tiện bị cáo Nguyễn Văn D liên lạc với người đàn ông tên “N” để mua ma túy nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[15] Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

[16] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 31/12/2020 của Nguyễn Văn D, Giàng Mí V, Nguyễn Văn M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0141, 0142, 0143/QĐ-XPHC ngày 29/3/2021 xử phạt mỗi bị cáo 750.000^d là phù hợp, đúng quy định của pháp luật được chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[17] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 31/12/2020 của Giàng Mí L là người cùng sử dụng chất ma túy với các bị cáo nhưng L không góp tiền mua ma túy, không chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy và tại thời điểm sử dụng ma túy L chưa đủ 18 tuổi nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0144/QĐ-XPHC ngày 29/3/2021 bằng hình thức cảnh cáo là thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[18] Đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 ngày 31/12/2020 tuy không cùng sử dụng ma túy với các bị cáo nhưng khi bị phát hiện bắt quả tang tiến hành xét nghiệm ma túy kết quả dương tính với nhóm ma túy MOP, MET nên đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thông báo và chuyển các tài liệu liên quan đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, nơi H1, H cư trú để áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo thẩm quyền nên không đề cập xử lý là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[19] Đối với người đàn ông tên “N” (không rõ họ tên đệm, nơi cư trú) đã bán chất ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo D, quá trình điều tra không xác định

được, do vậy không có căn cứ để điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[20] Về án phí: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn M là người D tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[21] Các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giàng Mí V 17 (mười bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 31/12/2020.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 31/12/2020.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì bằng giấy màu trắng đã được niêm phong, mặt trước có ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu lần lượt A1, A2”, mặt sau

phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết của những người tham gia niêm phong; 03 mảnh giấy bạc; 03 bật lửa ga; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 nắp nhựa màu đỏ hình tròn, cao 01cm, đường kính 3cm, trên bề mặt nắp nhựa có 02 lỗ tròn, lỗ thứ nhất được luồn qua một ống nhựa hình trụ màu trắng dài 16,5cm, đường kính 0,5cm, lỗ thứ hai được luồn qua 01 ống thủy tinh, đầu ống hình bầu dục, thân ống hình trụ, trên ống thủy tinh có 01 lỗ tròn đường kính 0,7cm; 02 túi ni lông màu trắng; 01 gói giấy màu trắng chứa các hạt tạp chất màu đen; 01 sim điện thoại Viettel; 01 phong bì màu trắng bên trong có chứa 06 mảnh giấy; vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ; 05 ống nhựa màu trắng có kích thước tương tự nhau dài 19,5cm, trên thân ống có nếp gấp (dạng ống hút); 01 chai nhựa màu trắng dài 18cm, đường kính miệng chai 2,5cm.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, sơn màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang).

5. Án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn M.

Buộc các bị cáo Giàng Mí V, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PC 11, PV 06
CA tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS CAH Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đoàn Ngọc Vĩnh**